

Số: 887 /QĐ - HHTM

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức  
từ hạng III lên hạng II, hạng II lên hạng I năm 2026  
của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương**

### VIỆN TRƯỞNG VIỆN HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 31/2004/QĐ-TTg ngày 08/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-BYT ngày 19/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Huyết học - Truyền máu TW;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương năm 2026 (Danh sách chi tiết theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương năm 2026 có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tới các viên chức dự xét thăng hạng; thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Viện về kết quả xét thăng hạng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II, hạng II lên hạng I của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương năm 2026; Các ông, bà Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, phòng Hành chính, phòng Tài chính kế toán, phòng Kế hoạch tổng hợp và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ TCCB - Bộ Y tế (Đề báo cáo);
- Thành viên Hội đồng;
- Ban Giám sát kỹ xét;
- Lưu: VT, TCCB, ThS Thăng A.15b.

**VIỆN TRƯỞNG**  
VIỆN HUYẾT HỌC  
TRUYỀN MÁU  
TRUNG ƯƠNG  
Nguyễn Hà Thanh

**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC NĂM 2026**

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ DƯỢC SĨ CHÍNH (HẠNG II) LÊN DƯỢC SĨ CAO CẤP (HẠNG I)**

*(Kèm theo Quyết định số 887/QĐ-HHTM ngày 19/5/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương)*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Vũ Duy Hồng	12/11/1966	Trưởng khoa Dược	Dược sĩ chính (hạng II)	01/01/2012 (14 năm 5 tháng)	V.08.08.22	6,10	TS	Tiến sĩ Dược	Chứng chỉ hành nghề Dược	Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH	Đạt	Dược sĩ cao cấp (hạng I)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	Trương Vũ Trung	13/09/1978	Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh và Thăm dò chức năng	Bác sĩ chính (hạng II)	01/01/2018 (8 năm 4 tháng)	V.08.01.02	5,42	BSCCKII	BSCCKII Chẩn đoán hình ảnh	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Bác sĩ cao cấp (hạng I)
7	Dương Hương Lan	01/09/1974	Phó trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp	Bác sĩ chính (hạng II)	01/01/2018 (8 năm 4 tháng)	V.08.01.02	5,42	BSCCKII	BSCCKII Chẩn đoán hình ảnh	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Không đạt	Bác sĩ cao cấp (hạng I)



**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC NĂM 2026**

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ BÁC SĨ CHÍNH (HẠNG II) LÊN BÁC SĨ CAO CẤP (HẠNG I)**

*(Kèm theo Quyết định số 887/QĐ-HHTM ngày 19/5/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương)*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Nguyễn Hữu Chiến	07/05/1977	Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp kiêm nhiệm Bác sĩ điều trị khoa Ghép tế bào gốc	Bác sĩ chính (hạng II)	01/01/2018 (8 năm 4 tháng)	V.08.01.02	5,42	TS	Tiến sĩ y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Thành viên chính 01 đề tài cấp Bộ - Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Bác sĩ cao cấp (hạng I)
2	Hà Hữu Nguyễn	01/02/1979	Trưởng khoa Tiếp nhận Máu điểm lưu động	Bác sĩ chính (hạng II)	01/01/2018 (8 năm 4 tháng)	V.08.01.02	5,42	TS	Tiến sĩ Huyết học Truyền máu	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Bác sĩ cao cấp (hạng I)
3	Nguyễn Thị Thu Hà	01/09/1971	Giám đốc Trung tâm Thalassemia	Bác sĩ chính (hạng II)	01/01/2018 (8 năm 4 tháng)	V.08.01.02	5,42	TS	Tiến sĩ y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Bác sĩ cao cấp (hạng I)
4	Võ Thị Thanh Bình	15/02/1973	Trưởng khoa Ghép tế bào gốc	Bác sĩ chính (hạng II)	01/01/2018 (8 năm 4 tháng)	V.08.01.02	5,42	BSCCKII	BSCCKII Huyết học Truyền máu	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Bác sĩ cao cấp (hạng I)
5	Nguyễn Ngọc Dũng	18/08/1974	Trưởng khoa Tế bào - Tổ chức học	Bác sĩ chính (hạng II)	01/01/2018 (8 năm 4 tháng)	V.08.01.02	5,42	TS	Tiến sĩ Huyết học Truyền máu	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Bác sĩ cao cấp (hạng I)

*TM*

**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC NĂM 2026**

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ BÁC SĨ (HẠNG III) LÊN BÁC SĨ CHÍNH (HẠNG II)**

*(Kèm theo Quyết định số 887/QĐ-HHTM ngày 19/5/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương)*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng trong đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Nguyễn Minh Phương	09/11/1974	Khoa Chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng	Bác sĩ (hạng III)	01/03/2014 (12 năm 2 tháng)	V.08.01.03	3,66	BSCKI	BSCKI Chẩn đoán hình ảnh	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Bác sĩ chính (hạng II)
2	Nguyễn Mạnh Linh	25/09/1983	Khoa Hồi sức cấp cứu	Bác sĩ (hạng III)	01/03/2014 (12 năm 2 tháng)	V.08.01.03	3,66	BSCKII	BSCKII Huyết học - Truyền máu	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	BSCKII	Đạt	Bác sĩ chính (hạng II)
3	Vũ Thị Lan Anh	16/06/1987	Trung tâm Hemophilia	Bác sĩ (hạng III)	01/03/2014 (12 năm 2 tháng)	V.08.01.03	3,66	ThS	Thạc sĩ Y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Bác sĩ chính (hạng II)
4	Đào Thị Thiết	16/09/1990	Khoa Đông máu	Bác sĩ (hạng III)	21/08/2018 (7 năm 9 tháng)	V.08.01.03	3,33	BSCKII	- BSCKII Huyết học - Truyền máu - Bác sĩ nội trú Huyết học - Truyền máu	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Bác sĩ chính (hạng II)
5	Đỗ Thị Thúy	20/08/1991	Khoa Ghép tế bào gốc	Bác sĩ (hạng III)	01/10/2019 (6 năm 7 tháng)	V.08.01.03	3,33	ThS	- Thạc sĩ y học, - Bác sĩ nội trú Huyết học - Truyền máu	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Bác sĩ chính (hạng II)

*TW*

**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC NĂM 2026**

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ DƯỢC SĨ (HẠNG III) LÊN DƯỢC SĨ CHÍNH (HẠNG II)**

*(Kèm theo Quyết định số 887/QĐ-HHTM ngày 19/5/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương)*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Phạm Minh Tuấn	30/04/1989	Khoa Dược	Dược sĩ (hạng III)	01/03/2015 (11 năm 2 tháng)	V.08.08.23	3,33	ThS	Thạc sĩ Dược học	Chứng chỉ BD CDNN	- Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Dược sĩ chính (hạng II)

**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC NĂM 2026**

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ ĐIỀU DƯỠNG (HẠNG III) LÊN ĐIỀU DƯỠNG (HẠNG II)**

*(Kèm theo Quyết định số 887/QĐ-HHTM ngày 19/5/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương)*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>
1	Nguyễn Thị Dinh	10/06/1983	Trung tâm Thalassemia	Điều dưỡng (hạng III)	01/04/2005 (21 năm 1 tháng)	V.08.05.12	4,32	ThS	Thạc sĩ Điều dưỡng	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Điều dưỡng (hạng II)

**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC NĂM 2026**

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ KỸ THUẬT Y (HẠNG III) LÊN KỸ THUẬT Y (HẠNG II)**

*(Kèm theo Quyết định số 887/QĐ-HHTM ngày 19/5/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương)*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng trong đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Mẫn Thị Hoa	08/08/1985	phòng Quản lý chất lượng kiêm nhiệm làm việc khoa Lưu trữ và Phân phối máu	Kỹ thuật Y (hạng III)	30/03/2009 (17 năm 1 tháng)	V.08.07.19	4,32	ThS	Thạc sĩ kỹ thuật xét nghiệm y học	Chứng chỉ BD CDNN	- Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)
2	Nguyễn Thùy Trang	21/12/1985	phòng Quản lý chất lượng kiêm nhiệm làm việc khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y (hạng III)	01/03/2014 (12 năm 2 tháng)	V.08.07.19	3,99	ThS	Thạc sĩ kỹ thuật Y	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)
3	Nguyễn Ngọc Thùy	20/02/1982	phòng Điều dưỡng - Kỹ thuật viên	Kỹ thuật Y (hạng III)	01/05/2012 (14 năm)	V.08.07.19	4,32	KTY CKI	CKI xét nghiệm y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)
4	ThS. Nguyễn Thị Thanh Dung	03/11/1983	khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y (hạng III)	01/05/2008 (18 năm)	V.08.07.19	4,32	ThS	Thạc sĩ kỹ thuật xét nghiệm y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)
5	Trần Văn Chi	11/07/1981	khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y (hạng III)	01/01/2006 (20 năm 4 tháng)	V.08.07.19	4,65	ThS	Thạc sĩ kỹ thuật xét nghiệm y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)
6	Trần Thị Thúy Lan	19/07/1981	khoa Xét nghiệm sàng lọc máu	Kỹ thuật Y (hạng III)	01/05/2012 (14 năm)	V.08.07.19	4,32	ThS	Thạc sĩ kỹ thuật xét nghiệm y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Hoàng Nhật Lệ	18/03/1971	khoa Lưu trữ và phân phối máu	Kỹ thuật Y (hạng III)	01/05/2005 (21 năm)	V.08.07.19	4,98	ThS	Thạc sĩ kỹ thuật xét nghiệm y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)
8	Lê Xuân Thịnh	26/08/1981	Ngân hàng Tế bào gốc	Kỹ thuật Y (hạng III)	01/05/2012 (14 năm)	V.08.07.19	4,32	KTY CKI	CKI xét nghiệm y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)
9	Nguyễn Đình Tuệ	23/10/1979	khoa Tế bào - Tổ chức học	Kỹ thuật Y (hạng III)	01/05/2012 (14 năm)	V.08.07.19	4,32	KTY CKI	CKI xét nghiệm y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)
10	Trương Thị Hiền	02/07/1990	khoa Tế bào - Tổ chức học	Kỹ thuật Y (hạng III)	18/02/2014 (12 năm 2 tháng)	V.08.07.19	3,33	ThS	Thạc sĩ kỹ thuật xét nghiệm y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)
11	Nguyễn Thị Thanh Hương	23/06/1975	khoa Đông máu	Kỹ thuật Y (hạng III)	20/12/2006 (19 năm 4 tháng)	V.08.07.19	4,98	KTY CKI	CKI xét nghiệm y học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)
12	Vũ Thị Bích Hương	01/12/1979	khoa Vi sinh	Kỹ thuật Y (hạng III)	1/8/2002 (23 năm 8 tháng)	V.08.07.19	4,98	TS	Thạc sĩ kỹ thuật xét nghiệm Y học Tiến sĩ Di truyền học	Chứng chỉ hành nghề KB, CB	- Chủ nhiệm 03 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kỹ thuật Y (hạng II)



**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC NĂM 2026**

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ CHUYÊN VIÊN (HẠNG III) LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH (HẠNG II)**

*(Kèm theo Quyết định số 887/QĐ-HHTM ngày 19/5/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương)*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Vũ Thị Hồng Phương	23/12/1971	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (hạng III)	01/10/1991 (34 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/08/2022 đến nay (3 năm 8 tháng)	01.003	4,98	ThS	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Chứng chỉ BD CDNN	- Chủ nhiệm 02 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
2	Nguyễn Thị Sinh	19/05/1983	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên (hạng III)	1/1/2005 (21 năm)	01.003	4,32	ThS	Thạc sĩ Quản lý công	Chứng chỉ BD CDNN	Bảng khen của BCH TW Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
3	Đoàn Văn Chính	20/07/1984	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên (hạng III)	Thời gian bắt đầu làm việc từ 15/10/2007 đến nay (18 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	4,32	ThS	Thạc sĩ Quản lý bệnh viện	Chứng chỉ BD CDNN	Bảng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
4	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	17/12/1975	Phòng Quản trị	Chuyên viên (hạng III)	Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 1 tháng)	01.003	4,98	ThS	Thạc sĩ Quản lý công	Chứng chỉ BD CDNN	Bảng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
5	Nguyễn Phương Liên	29/04/1977	Phòng Quản trị	Chuyên viên (hạng III)	27/10/2010 (15 năm 6 tháng)	01.003	4,98	ThS	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Chứng chỉ BD CDNN	Bảng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
6	Nguyễn Thị Mỹ Lương	06/01/1979	Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế	Chuyên viên (hạng III)	01/10/2010 (15 năm)	01.003	4,32	ThS	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Chứng chỉ BD CDNN	2 năm HTXS NV	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Từ Vũ Hiền	18/07/1983	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên (hạng III)	30/9/2009 (17 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	4,32	ThS	Thạc sĩ hệ thống thông tin	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
8	Trần Thanh Hoa	09/12/1983	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên (hạng III)	01/10/2010 (15 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	3,99	KS	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Chứng chỉ BD CDNN	2 năm HTXS NV	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
9	Trần Anh Tuấn	09/07/1976	Phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên (hạng III)	01/01/2006 (20 năm 4 tháng)	01.003	4,65	CN	Cử nhân kinh tế	Chứng chỉ BD CDNN	2 năm HTXS NV	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
10	Triệu Thị Biển	18/11/1987	Phòng Công tác xã hội	Chuyên viên (hạng III)	29/6/2011 (14 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	3,99	ThS	Cử nhân tâm lý học	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
11	Phạm Thị Ngọc Anh	04/03/1981	Phòng Hành chính	Chuyên viên (hạng III)	01/03/2015 (11 năm 2 tháng)	01.003	3,66	ThS	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
12	Lê Thanh Hằng	19/09/1987	Phòng Truyền thông và Giác dục sức khỏe	Chuyên viên (hạng III)	1/3/2014 (12 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 21/03/2016 đến nay (10 năm)	01.003	3,99	ThS	Thạc sĩ y tế công cộng	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
13	Vương Thanh Tuấn	15/10/1982	Phòng Truyền thông và Giác dục sức khỏe	Chuyên viên (hạng III)	01/04/2009 (17 năm 1 tháng)	01.003	4,32	ThS	Thạc sĩ báo chí học	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
14	Trương Thị Thu Hằng	01/04/1982	Phòng Truyền thông và Giác dục sức khỏe	Chuyên viên (hạng III)	01/01/2006 (20 năm 4 tháng)	01.003	4,65	ThS	Thạc sĩ công tác xã hội	Chứng chỉ BD CDNN	2 năm HTXS NV	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)

*TĐ*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
15	Nguyễn Văn Nhữ	25/10/1978	Văn phòng Trung tâm Máu Quốc gia	Chuyên viên (hạng III)	01/01/2005 (21 năm 4 tháng) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	4,98	ThS	Thạc sĩ Văn hoá học	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
16	Chữ Nhất Hợp	07/04/1985	Văn phòng Trung tâm Máu Quốc gia	Chuyên viên (hạng III)	01/10/2010 (15 năm 6 tháng) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	4,32	ThS	Thạc sĩ Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
17	Nguyễn Xuân Thái	06/04/1980	Văn phòng Trung tâm Máu Quốc gia	Chuyên viên (hạng III)	1/1/2006 (20 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	4,98	ThS	Thạc sĩ y tế Công cộng	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
18	Nguyễn Quốc Huy	05/07/1990	Phòng Quan hệ công chúng	Chuyên viên (hạng III)	1/11/2012 (13 năm 6 tháng) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	3,66	ThS	Thạc sĩ Chính sách công	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
19	Trương Thị Nguyệt	13/07/1989	Khoa Tiếp nhận Máu điểm cố định	Chuyên viên (hạng III)	01/03/2015 (11 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	3,66	ThS	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
20	Nguyễn Bá Thành	06/01/1970	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Chuyên viên (hạng III)	1/12/2005 (20 năm 5 tháng)	01.003	4,98	ThS	Thạc sĩ Quản trị nhân lực	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
21	Nguyễn Thị Tú Anh	26/07/1978	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên (hạng III)	21/08/2012 (13 năm 8 tháng)	01.003	4,65	CN	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Chứng chỉ BD CDNN	Bằng khen của Ban Chấp hành Công đoàn Y tế Việt Nam, Ban Chỉ đạo vận động Hiến máu tình nguyện	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
22	Nguyễn Thị Thu Trang	04/09/1976	Phòng Quản trị	Chuyên viên (hạng III)	01/01/2005 (21 năm 4 tháng)	01.003	4,65	CN	Cử nhân Kinh tế	Chứng chỉ BD CDNN	Bảng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
23	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	26/07/1981	Phòng Truyền thông và Giác dục sức khỏe	Chuyên viên (hạng III)	1/3/2014 (12 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	3,66	KS	Kỹ sư công nghệ thông tin	Chứng chỉ BD CDNN	2 năm HTXS NV	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
24	Nguyễn Duy Ngọc	25/05/1983	Văn phòng Trung tâm Máu Quốc gia	Chuyên viên (hạng III)	1/5/2012 (14 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	4,32	ThS	Thạc sĩ Tâm lý	Chứng chỉ BD CDNN	Bảng khen chuyên môn của Bộ Y tế	Đạt	Chuyên viên chính (hạng II)
25	Đặng Thanh Hải	16/09/1987	Văn phòng Trung tâm Máu Quốc gia	Chuyên viên (hạng III)	1/3/2015 (16 năm) Thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 01/09/2021 đến nay (4 năm 8 tháng)	01.003	3,66	CN	Cử nhân Sư phạm Âm nhạc	Chứng chỉ BD CDNN		Không đạt	Chuyên viên chính (hạng II)



**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC NĂM 2026**

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ KẾ TOÁN VIÊN (HẠNG III) LÊN KẾ TOÁN VIÊN CHÍNH (HẠNG II)**

*(Kèm theo Quyết định số 887/QĐ-HHTM ngày 19/5/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương)*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng trong đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Nguyễn Chí Thắng	25/07/1976	Phòng Tài chính kế toán	Kế toán viên (hạng III)	01/01/2005 (21 năm 4 tháng)	06.031	4,98	ThS	Cử nhân kế toán, Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Chứng chỉ BD CDNN	- Thành viên 01 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kế toán viên chính (hạng II)
2	Trần Thị Hồng Nhung	09/01/1980	Phòng Tài chính kế toán	Kế toán viên (hạng III)	01/03/2014 (12 năm 2 tháng)	06.031	3,66	ThS	Thạc sĩ kế toán	Chứng chỉ BD CDNN	- Thành viên 01 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Kế toán viên chính (hạng II)
3	Đỗ Ngọc Hà	05/10/1979	Phòng Tài chính kế toán	Kế toán viên (hạng III)	01/05/2012 (14 năm)	06.031	4,32	CN	Cử nhân kế toán	Chứng chỉ BD CDNN	- Thành viên 02 sáng kiến cấp cơ sở	Đạt	Kế toán viên chính (hạng II)
4	Lê Quang Hưng	25/07/1983	Phòng Tài chính kế toán	Kế toán viên (hạng III)	01/09/2007 (18 năm 8 tháng)	06.031	4,32	CN	Cử nhân kế toán	Chứng chỉ BD CDNN	- Thành viên 01 ĐTNCKH cấp cơ sở, 01 sáng kiến cấp cơ sở	Đạt	Kế toán viên chính (hạng II)
5	Trần Ngọc Bích	20/06/1976	Phòng Tài chính kế toán	Kế toán viên (hạng III)	01/01/2005 (21 năm 4 tháng)	06.031	4,65	CN	Cử nhân kế toán	Chứng chỉ BD CDNN	- Thành viên 01 ĐTNCKH cấp cơ sở, 01 sáng kiến cấp cơ sở	Đạt	Kế toán viên chính (hạng II)

*M*

**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC NĂM 2026**

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026  
TỪ CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN (HẠNG III) LÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN CHÍNH (HẠNG II)**  
(Kèm theo Quyết định số 887/QĐ-HHTM ngày 19/5/2026 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ hạng trong đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét			Tiêu chí xét	Kết quả xét thăng hạng	Chức danh nghề nghiệp dự xét
						Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD CDNN hoặc CCHN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Lý Thị Hào	23/08/1979	Phòng Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	21/03/2016 (10 năm 1 tháng)	V.09.04.02	4,65	ThS	Thạc sĩ Công tác xã hội	Chứng chỉ BD CDNN	- Chủ nhiệm 01 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Công tác xã hội viên chính (hạng II)
2	Nguyễn Thành Linh	02/09/1982	Phòng Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	01/03/2015 (11 năm 2 tháng)	V.09.04.02	3,33	ThS	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Có chứng chỉ công tác xã hội	Chứng chỉ BD CDNN	- Thành viên 01 ĐTNCKH cấp cơ sở	Đạt	Công tác xã hội viên chính (hạng II)

*ML*